

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Mở đầu	1
Phần thứ nhất:	
Cơ sở khoa học của vai trò nhà nước và phương pháp luận kế hoạch hoá kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường	2
1. Vai trò của nhà nước trong kinh tế thị trường	2
1.1. Các học thuyết của kinh tế thị trường nhìn nhận vai trò của nhà nước	2
1.2. Nhà nước và thị trường, không thay thế mà bổ sung cho nhau	7
1.3. Nhìn nhận lại vai trò nhà nước sau khủng hoảng tài chính-tiền tệ khu vực	15
2. Kế hoạch hoá kinh tế vĩ mô với tư cách là công cụ quản lý của nhà nước	21
2.1. Bản chất kế hoạch hoá kinh tế vĩ mô	21
2.2. Xác định vai trò của kế hoạch hoá trong nền kinh tế đang phát triển	29
2.3. Kế hoạch hoá trong quá trình thay đổi và phát triển	33
Phần thứ hai:	
Kinh nghiệm quốc tế về kế hoạch hoá kinh tế vĩ mô	40
1. Kinh nghiệm của các nước công nghiệp phát triển	40
1.1. Kế hoạch hoá ở Pháp	40
1.2. Kế hoạch hoá tại CHLB Đức	47
1.3. Kế hoạch hoá tại Nhật Bản	51
2. Kinh nghiệm kế hoạch hoá ở các nước đang phát triển	56
2.1. Những thay đổi về nội dung kế hoạch hoá ở các nước đang phát triển Châu Á	56
2.2. Quy trình và công nghệ kế hoạch hoá ở các nước đang phát triển	62

2.3.	Các loại hình kế hoạch hoá và cơ cấu tổ chức kế hoạch hoá	67
3.	<i>Kế hoạch hoá trong nền kinh tế chuyển đổi qua kinh nghiệm Trung Quốc</i>	80

Phần thứ ba:

	Một số suy nghĩ và kiến nghị về đổi mới kế hoạch hoá ở Việt Nam	86
--	---	----

1.	<i>Nhận thức về vai trò của nhà nước và kế hoạch hoá trong nền kinh tế chuyển đổi ở Việt Nam</i>	86
----	--	----

1.1.	Xác định vai trò của Nhà nước trong kinh tế thị trường	87
------	--	----

1.2.	Quan hệ giữa kế hoạch hoá và cơ chế thị trường	93
------	--	----

2.	<i>Định hướng đổi mới kế hoạch hoá</i>	96
----	--	----

2.1.	Kế hoạch hoá trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa	96
------	--	----

2.2.	Kế hoạch hoá trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế	97
------	---	----

2.3.	Kế hoạch hoá đảm bảo mối tương quan hợp lý giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội	99
------	--	----

2.4.	Kết hợp kế hoạch hoá theo ngành với kế hoạch hoá theo địa phương và vùng lãnh thổ	100
------	---	-----

2.5.	Đổi mới toàn diện hệ thống kế hoạch hoá kinh tế vĩ mô	101
------	---	-----

3.	<i>Một số giải pháp đổi mới kế hoạch hoá trong thời gian trước mắt</i>	103
----	--	-----

3.1.	Đổi mới công tác xây dựng chiến lược phát triển kinh tế-xã hội	103
------	--	-----

3.2.	Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển	104
------	---	-----

3.3.	Chú trọng kế hoạch hoá định hướng phát triển kinh tế-xã hội 5 năm	105
------	---	-----

3.4.	Hoàn thiện kế hoạch hoá hàng năm	107
------	----------------------------------	-----

3.5.	Tăng cường công tác nghiên cứu và xây dựng chính sách	109
------	---	-----

3.6.	Xây dựng và phát triển công tác dự báo và phân tích kinh tế	110
------	---	-----

3.7.	Đổi mới hệ thống thu thập, xử lý và sử dụng thông tin	111
------	---	-----

3.7.	Củng cố bộ máy tổ chức, nâng cao trình độ cán bộ kế hoạch	112
------	---	-----

CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ CỦA VIỆC NHÀ NƯỚC SỬ DỤNG KẾ HOẠCH HOÁ LÀM CÔNG CỤ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ ĐIỀU TIẾT KINH TẾ QUỐC DÂN

Sau hơn 10 năm đổi mới, đời sống kinh tế-xã hội Việt Nam đã có những chuyển biến hết sức cơ bản và rõ nét. Xét về mặt thể chế quản lý thì nền kinh tế nhiều thành phần đang vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước sử dụng ngày càng tốt hơn hệ thống chính sách kinh tế và kế hoạch hoá để quản lý và điều hành nền kinh tế. Bản thân công tác kế hoạch hoá cũng đã và đang trải qua thời kỳ đổi mới từng bước và cơ bản.

Khác với nhiều nước kinh tế chuyển đổi, đổi mới kinh tế ở Việt Nam không có nghĩa là từ bỏ hoặc coi nhẹ kế hoạch hoá, mà yêu cầu đặt ra là phải có những thay đổi cần thiết đáp ứng đòi hỏi và điều kiện mới của nền kinh tế, nhất là nâng cao chất lượng của kế hoạch hoá ở tầm vĩ mô của Nhà nước. Đồng thời, khi chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế trong điều kiện tự do hoá thương mại và toàn cầu hoá, nhiều yêu cầu mới đặt ra đối với cơ chế quản lý kinh tế nói chung, cũng như đối với công tác kế hoạch hoá nói riêng. Muốn đáp ứng được các yêu cầu đó phải tiếp tục đổi mới một cách mạnh mẽ hơn nữa. Việc nghiên cứu một cách cơ bản cơ sở khoa học và thực tiễn của kế hoạch hoá chính là nhằm phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

Để giải quyết vấn đề đổi mới kế hoạch hoá, cần triển khai nghiên cứu ba mảng đề tài chủ yếu. Một là nghiên cứu cơ sở khoa học và kinh nghiệm quốc tế. Hai là tổng kết thực tiễn đổi mới và rút ra những vấn đề cần xử lý. Ba là đề xuất phương hướng và các giải pháp tiếp tục đổi mới kế hoạch hoá đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Với quy mô một đề tài khoa học cấp Bộ, Đề tài này được giao nhiệm vụ nghiên cứu mảng vấn đề thứ nhất, tức là nghiên cứu cơ sở khoa học và kinh nghiệm quốc tế về kế hoạch hoá kinh tế vĩ mô của Nhà nước, để phục vụ cho việc đề xuất chủ trương và giải pháp tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hoá ở Việt Nam. Còn hai mảng vấn đề sau về tổng kết thực tiễn, phân tích thực trạng, phát hiện vấn đề, và nhất là đề xuất phương hướng và các giải pháp đổi mới kế hoạch hoá ở Việt Nam thì sẽ được nghiên cứu trong khuôn khổ một đề tài khoa học cấp Nhà nước.

Phần thứ nhất

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VAI TRÒ NHÀ NƯỚC VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN KẾ HOẠCH HOÁ KINH TẾ VĨ MÔ TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Kế hoạch hoá là một công cụ mà nhà nước sử dụng để quản lý nền kinh tế. Để có thể phân tích sâu vào việc sử dụng công cụ này, rất cần xác định rõ vai trò và chức năng quản lý kinh tế của nhà nước. Điều này lại càng cần thiết khi mà ở Việt Nam còn nhiều ý kiến khác nhau xung quanh câu hỏi nhà nước nên can thiệp như thế nào vào nền kinh tế.

Nhằm làm rõ hơn một bước vấn đề nêu trên, trong mục này sẽ thảo luận về một số chủ đề chính sau đây. Một là, vai trò nhà nước được xem xét như thế nào trong các học thuyết chủ yếu của kinh tế thị trường. Hai là, sự lựa chọn giữa nhà nước và thị trường trong thực tế điều hành nền kinh tế ở các nước. Ba là, nhìn nhận lại vai trò nhà nước sau khủng hoảng tài chính-tiền tệ khu vực.

1.1. Các học thuyết của kinh tế thị trường nhìn nhận vai trò nhà nước

Nhà nước nào cũng có chức năng quản lý đất nước, đảm bảo sự an toàn quốc gia, chống thù trong, giặc ngoài và quản lý kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, vai trò kinh tế của nhà nước trong mỗi giai đoạn lịch sử không giống nhau. Trong xã hội chiếm hữu nô lệ và phong kiến, nhà nước có vai trò chủ yếu nhằm bảo vệ sở hữu nô lệ và phong kiến về tư liệu sản xuất, thực hiện quyền sở hữu về mọi mặt kinh tế do giai cấp thống trị. Dưới chủ nghĩa tư bản, với việc chuyển sang nền kinh tế thị trường, tính chất xã hội hoá sản xuất và tính năng động của nền kinh tế ngày càng cao, làm cho vai trò kinh tế của nhà nước tăng lên.

Vào khoảng giữa thế kỷ 15, quá trình tích lũy nguyên thủy tư bản được thực hiện. Nền kinh tế thị trường phát triển nhanh, giai cấp tư sản cần có "bà đỡ", cần sự hỗ trợ của nhà nước; chính vì vậy vai trò kinh tế của nhà nước tư sản rất được coi trọng. Vào thời gian này, nhà nước đã thực hiện chính sách tiền tệ hết sức nghiêm ngặt và tìm mọi cách tích lũy tiền tệ. Nhiều nước đã đặt ra luật cấm các thương nhân nước ngoài không được mang tiền ra khỏi nước họ. Nhà nước còn quy định những nơi được

phép buôn bán, để dễ dàng cho việc kiểm tra, kiểm soát. Trong chính sách ngoại thương, nhà nước dùng hàng rào thuế quan bảo hộ, đánh thuế nhập khẩu cao và thuế xuất khẩu thấp; chỉ xuất thành phẩm chứ không xuất nguyên liệu; cấm nhập các mặt hàng xa xỉ. Nhà nước còn thực hiện việc hỗ trợ các thương nhân trong nước tham gia buôn bán quốc tế bằng phương tiện vật chất và tài chính. Đồng thời nhà nước cũng quy định nghiêm ngặt về tỷ giá hối đoái, cấm trả cho người nước ngoài cao hơn mức quy định của nhà nước. Nhờ các chính sách đó giai cấp tư sản đã tích lũy được một lượng của cải và tiền tệ đáng kể, phát triển mạnh các lĩnh vực sản xuất.¹⁾

Với việc áp dụng các kỹ thuật và công nghệ mới, nền sản xuất ở các nước phát triển rất nhanh. Các nhà tư sản đua nhau phát triển các ngành nghề mới và mở rộng quy mô sản xuất. Tự do cạnh tranh đã trở thành đòi hỏi cấp thiết trong đời sống kinh tế của các nước này. Các nhà kinh tế học cổ điển ủng hộ mạnh mẽ tự do cạnh tranh. Tư tưởng tự do kinh tế của William Petty là : Trong chính sách kinh tế, phải chú ý tới quá trình tự nhiên mà không được dùng bạo lực để chèn ép nó.

Tư tưởng nhấn mạnh tự do kinh tế được tiếp tục phát triển trong thuyết trật tự tự nhiên của phái trọng nông ở Pháp, song nổi bật nhất là bởi Adam Smith (1723-1790), một nhà kinh tế học nổi tiếng người Anh. Ông đã đưa ra thuyết “Bàn tay vô hình” và nguyên lý “Nhà nước không can thiệp” vào tổ chức nền kinh tế hàng hoá. Theo ông, phát triển kinh tế cần tuân theo nguyên tắc tự do. Sự hoạt động của toàn bộ nền kinh tế là do các quy luật khách quan tự điều tiết; sự vận động của thị trường là do quan hệ cung-cầu và sự biến đổi tự phát của giá cả hàng hoá trên thị trường quyết định; quan hệ giữa người với người chủ yếu là quan hệ lợi ích kinh tế. A. Smith cho rằng mỗi người hoạt động trước hết chỉ nhằm lợi ích của bản thân, song do “Bàn tay vô hình” chi phối buộc con người phải phục tùng lợi ích chung của xã hội, và điều này nằm ngoài ý định của từng nhà kinh doanh. Như vậy để cho nền kinh tế phát triển lành mạnh, nhà nước không nên can thiệp vào kinh tế thị trường, vào hoạt động của các doanh nghiệp.

Mặc dù coi trọng “Bàn tay vô hình”, song Adam Smith cũng cho rằng đôi khi nhà nước cũng có những nhiệm vụ kinh tế nhất định; đó là trong trường hợp các nhiệm vụ kinh tế vượt quá khả năng của một doanh nghiệp, như làm đường, xây bến cảng, đào các con kênh lớn v.v... Thực tế cũng cho thấy, nền kinh tế muốn phát triển nhanh, đòi hỏi đất nước phải

1) Xem Nguyễn Duy Hùng: “Vai trò quản lý kinh tế của nhà nước trong nền kinh tế thị trường”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

có một cơ sở hạ tầng (phục vụ sản xuất và đời sống) hiện đại, lĩnh vực mà ngoài nhà nước ra, không ai đảm nhiệm được. Cho nên người ta ngày càng ý thức rõ kinh tế phát triển càng cao, xã hội hoá sản xuất càng mở rộng, thị trường càng phát triển, càng cần có sự quản lý nhà nước đối với nền kinh tế. Tuy nhiên, nhìn chung các nhà kinh tế lúc đó vẫn coi tự do kinh tế là sức mạnh của nền kinh tế thị trường, quy luật kinh tế là vô địch, mặc dù chính sách kinh tế có thể kìm hãm hay thúc đẩy ở mức độ nhất định sự hoạt động của nó.

Vào đầu những năm 30 của thế kỷ này, nhiều cuộc khủng hoảng kinh tế xảy ra thường xuyên, đặc biệt là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới những năm 1929-1933, cho thấy “Bàn tay vô hình” không thể bảo đảm những điều kiện ổn định cho kinh tế thị trường phát triển. Thêm vào đó, trình độ xã hội hoá sản xuất phát triển ngày càng cao đã làm cho các nhà kinh tế thấy rõ yêu cầu cần phải có một lực lượng nhân danh xã hội can thiệp vào quá trình hoạt động của thị trường, góp phần điều tiết kinh tế. Từ đó nhà kinh tế học người Anh John Meynard Keynes (1884-1946) đã đưa ra lý thuyết nhà nước điều tiết kinh tế thị trường.

Theo J.M. Keynes, sự tăng lên của sản xuất sẽ dẫn đến sự tăng lên của thu nhập, do đó làm tăng tiêu dùng. Song do khuynh hướng “tiêu dùng giới hạn”, nên tiêu dùng tăng chậm hơn so với thu nhập. Vì vậy, cầu tiêu dùng giảm tương đối, sự giảm cầu tiêu dùng kéo theo sự giảm sút của giá cả hàng hoá, từ đó làm cho tỷ suất lợi nhuận giảm xuống. Và khi tỷ suất lợi nhuận nhỏ hơn hoặc bằng lãi suất tín dụng thì các chủ doanh nghiệp sẽ không có lợi trong việc vay vốn để đầu tư, họ sẽ không đầu tư vào sản xuất, kinh doanh nữa. Điều này sẽ dẫn nền kinh tế đi đến chỗ trì trệ, khủng hoảng, và làm cho nạn thất nghiệp ngày càng tăng. Để khắc phục tình trạng đó, nhà nước phải can thiệp vào nền kinh tế, vào thị trường, phải huy động được các nguồn vốn nhân rồi để mở mang các hoạt động sản xuất kinh doanh, giải quyết công ăn việc làm và tăng thu nhập dân cư, làm cho cầu tiêu dùng tăng lên, làm tăng giá cả hàng hoá, tăng thu nhập của nhà kinh doanh, tăng hiệu quả của vốn đầu tư. Điều đó khuyến khích mở rộng đầu tư làm cho sản xuất tăng nhanh, nhờ vậy mà có điều kiện đẩy lùi khủng hoảng và hạn chế thất nghiệp.

J. M. Keynes và trường phái của ông cho rằng, nhà nước cần can thiệp vào kinh tế ở cả tầm vĩ mô và vi mô. Ở tầm vĩ mô, nhà nước sử dụng các công cụ như lãi suất, chính sách tín dụng, điều tiết lưu thông tiền tệ, thuế, bảo hiểm, trợ cấp, v.v. Ở tầm vi mô, nhà nước trực tiếp phát triển các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và dịch vụ công cộng.

Trường phái Keynes cho rằng, sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế sẽ giúp khắc phục được khủng hoảng, thất nghiệp, tạo ra sự ổn

định cho phát triển kinh tế - xã hội. Song những chấn động lớn trong nền kinh tế, khủng hoảng, thất nghiệp, lạm phát vẫn xảy ra ngày càng nghiêm trọng. Từ đó xuất hiện ý tưởng phối hợp “Bàn tay vô hình” với “Bàn tay nhà nước” để điều chỉnh nền kinh tế thị trường. Với xu hướng phối hợp này, các nhà kinh tế đã thừa nhận rằng, các nền kinh tế hiện đại muốn phát triển phải dựa vào cả cơ chế thị trường cũng như sự quản lý của nhà nước.

Trong số các nhà kinh tế học ủng hộ tư tưởng điều hành nền kinh tế thông qua cơ chế phối hợp, quan điểm của Paul Samuelson (Mỹ) là rất đáng chú ý. Trong cuốn “Kinh tế học” ông viết : “Điều hành một nền kinh tế không có chính phủ hoặc thị trường thì cũng như định võ tay bằng một bàn tay”. Hiện nay quan điểm về “nền kinh tế hỗn hợp” đang là cơ sở lý luận cho mô hình quản lý kinh tế ở nhiều nước với mức độ khác nhau.

Nhìn chung tư tưởng về sự can thiệp của nhà nước rất đa dạng. Các nhà tư tưởng của chủ nghĩa tự do muốn phát triển kinh tế tự do, nhà nước chỉ can thiệp ở mức độ nhất định. Khẩu hiệu của họ là: “tự do thị trường nhiều như có thể, nhà nước can thiệp ít như có thể”. Trong khi đó các nhà tư tưởng kinh tế Châu Âu lục địa lại chủ trương tăng cường vai trò nhà nước, đặc biệt là trong lĩnh vực xã hội.

Tư tưởng về vai trò kinh tế của nhà nước được vận dụng ở các nước cũng rất khác nhau và thay đổi qua các thời kỳ. Ở Mỹ, nơi được mệnh danh là thế giới tự do, từ đầu thế kỷ này cũng đã bắt đầu mở rộng sự can thiệp và kiểm soát của nhà nước liên bang đối với nền kinh tế. Vai trò của Chính phủ Liên bang thể hiện trên các lĩnh vực sau:

- Chịu trách nhiệm xây dựng và kiểm soát sự hoạt động kết cấu hạ tầng của nền kinh tế, như đường giao thông, phương tiện vận tải, thông tin liên lạc và năng lượng.
- Tạo ra môi trường tự do cạnh tranh, xây dựng các đạo luật về kiểm soát độc quyền.
- Kiểm soát các hoạt động kinh tế bằng các công cụ tài chính, tiền tệ, tổ chức hệ thống ngân hàng hai cấp, trong đó ngân hàng trung ương vừa làm chức năng dự trữ vừa làm chức năng điều tiết và kiểm soát lượng tiền tệ cung ứng để kiểm chế lạm phát.

Ở Cộng hoà liên bang Đức, sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Nhà nước liên bang xây dựng nền kinh tế của mình theo mô hình “Kinh tế thị trường xã hội”. So sánh mô hình kinh tế này với một trận bóng đá thì doanh nghiệp là cầu thủ còn nhà nước đóng vai trò trọng tài, là người thiết

kế “luật chơi”, và dùng “luật chơi” để điều khiển trận đấu sao cho nền kinh tế có thể tránh được những tai hoạ như khủng hoảng, thất nghiệp, lạm phát. Đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường xã hội ở Cộng hoà liên bang Đức là :

- Tôn trọng tự do cạnh tranh trên thị trường của các chủ doanh nghiệp.

- Sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế thị trường chỉ giữ ở mức tối thiểu và phải thích hợp với nguyên tắc thị trường.

- Nhà nước coi trọng chỉ tiêu xã hội, sử dụng nó để đánh giá hoạt động của doanh nghiệp.

Các nước Bắc Âu lại thiên về mô hình “Nhà nước phúc lợi”. Ở đây nền kinh tế được hình dung như một quá trình vận động từ sản xuất đến tiêu dùng thông qua khâu trung gian là phân phối của cải dưới hình thức thu nhập. Bằng quyền lực hành chính, nhà nước có thể can thiệp vào tất cả các khâu hoặc vào một khâu nào đó mà nhà nước thấy cần thiết. Các nhà nước ở Bắc Âu đã chọn phương thức can thiệp vào khâu phân phối lại thu nhập chủ yếu bằng công cụ thuế. Thông qua việc điều chỉnh cơ cấu thuế và chi tiêu, chính phủ của các nước Bắc Âu hướng nền kinh tế của họ đến mục tiêu thu hẹp khoảng cách giữa người giàu và người nghèo, bằng cách đem lại cho mọi thành viên trong xã hội những phúc lợi như nhau được tạo ra từ nguồn thu chủ yếu là thuế. Chính vì vậy, trong khi tổng thống Ronald Reagan ở Mỹ chủ trương áp dụng thuế lũy thoái, thì ở Bắc Âu lại áp dụng thuế lũy tiến đối với người giàu (ở Thụy Điển mức thuế suất cao nhất về thu nhập có thời kỳ lên tới 60%).

Ở các nước đang phát triển, trong nhiều thập kỷ qua cùng với quá trình tìm tòi con đường đi lên là quá trình hợp lý hoá vai trò của nhà nước. Hầu hết các nước giành được độc lập từ chủ nghĩa thực dân đã tin tưởng mạnh mẽ vào phát triển kinh tế với nhà nước có vai trò chủ đạo. Theo đó, nhà nước có thể huy động của cải, sức người và hướng các nguồn lực này vào tăng trưởng nhanh và xoá bỏ sự bất công xã hội. Quan điểm đó đã chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bên ngoài vào thời kỳ đó. Thứ nhất, mô hình kế hoạch hoá tập trung của Liên Xô cũ đã được nhiều nước coi là hình mẫu phát triển kinh tế. Thứ hai, ngay ở các nước tư bản chủ nghĩa thì cuộc đại suy thoái đã được coi là thể hiện của sự thất bại của chủ nghĩa thị trường tự do, trong khi sự can thiệp của nhà nước, như kế hoạch Marshall, quản lý tổng cầu của Keynes, và nhà nước phúc lợi, dường như đã thu được thắng lợi. Quan điểm này cũng có nguồn gốc từ bản thân điều kiện kinh tế của các nước đang phát triển, ở đó các thị trường không phát triển và nhà nước cần đóng vai trò tích cực để sửa chữa khuyết tật của chúng.

Kế hoạch hoá tập trung, can thiệp đúng đắn trong phân bổ nguồn lực và giúp đỡ các ngành công nghiệp non trẻ là những việc mà nhà nước cần đảm nhiệm. Cho đến những năm 60, trên thực tế nhà nước đã can thiệp vào tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, quản lý giá, và tăng kiểm soát về lao động, ngoại hối và các thị trường tài chính ở các nước đang phát triển.

Đầu thập kỷ 70, dưới tác động của các cuộc khủng hoảng tăng giá dầu lửa và tăng giá hàng xuất khẩu nông sản, chi tiêu của khu vực nhà nước ở cả các nước xuất khẩu và nhập khẩu dầu lửa đều tăng mạnh. Cuộc khủng hoảng nợ của những năm 80 đã đẩy chi tiêu của khu vực nhà nước tăng vọt do phải thực hiện các nghĩa vụ trả nợ. Sau đó đã có nhiều yếu tố tác động đến việc xác định vai trò của nhà nước. Thứ nhất, sự sụp đổ của Liên Xô, và mô hình kinh tế của các nước Đông Âu không còn hấp dẫn nữa. Thứ hai, sự thất bại của nhà nước, kể cả các doanh nghiệp nhà nước, đã hiển hiện ở khắp nơi. Chính phủ đã bắt đầu thực hiện các chính sách giảm thiểu phạm vi can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế: chấm dứt sự can thiệp vào sản xuất, vào định giá và thương mại. Các chiến lược dựa trên thị trường đã bắt đầu được tăng cường thực hiện ở nhiều nước đang phát triển.

Như vậy, có thể nói vai trò của nhà nước trong kinh tế ở các nước đang phát triển đã chuyển từ mô hình phát triển do nhà nước làm chủ đạo của những năm 60 và 70 sang mô hình nhà nước can thiệp có mức độ vào những năm 80 và 90. Trên thực tế việc giảm thiểu quy mô của khu vực nhà nước không chỉ thực hiện qua việc xoá bỏ các chương trình không quan trọng, các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, mà còn cắt giảm chi tiêu cho các chương trình giáo dục và y tế cực kỳ quan trọng kể cả chi đầu tư. Việc đó đã ảnh hưởng đến những chức năng cực kỳ quan trọng của nhà nước, đe dọa việc đảm bảo phúc lợi xã hội và xói mòn nền tảng cho sự phát triển của thị trường. Bài học rút ra từ thực tế phát triển kinh tế của các nước đang phát triển là phát triển dựa vào vai trò chủ đạo của nhà nước đã thất bại, nhưng cũng không thể phát triển được nếu không có một nhà nước hoạt động có hiệu quả. Vậy vai trò của nhà nước ở mức nào là hợp lý? Những phân tích sau đây về thất bại của thị trường và nhà nước sẽ cố gắng lý giải về câu hỏi này.

1.2. Nhà nước và thị trường, không thay thế mà bổ sung nhau

Kể cả trong lý thuyết và trên thực tế, không có nền kinh tế thị trường nào có thể hoạt động mà không chịu sự điều tiết của cả thị trường và nhà nước. Vì thế, cái gọi là vấn đề nhà nước và thị trường thực ra không phải là vấn đề lựa chọn giữa nhà nước hay thị trường, càng không phải đã chọn thị trường thì thôi nhà nước và ngược lại, mà là vấn đề xác định phạm vi hợp lý cho cả thị trường và nhà nước.

1.2.1 Thất bại của thị trường - lý do chủ yếu để nhấn mạnh vai trò nhà nước

Người ta không thể chỉ lựa chọn một trong hai tác nhân thị trường hoặc nhà nước, vì cả hai cơ chế điều tiết đó đều có những mặt mạnh cơ bản đồng thời với những khuyết tật rất rõ.

Người ta đã tổng kết thành 5 mặt hạn chế, khuyết tật của cơ chế thị trường được nêu tóm tắt là: ¹⁾

- Cơ chế thị trường, nếu không có sự điều tiết vĩ mô của nhà nước, dẫn đến sản xuất “mù quáng”, gây nên các cuộc khủng hoảng “thừa, thiếu”.

- Cơ chế thị trường cạnh tranh dẫn đến phá sản các doanh nghiệp, gây ra những hậu quả tiêu cực về mặt xã hội, nhất là thất nghiệp.

- Trong cơ chế thị trường, do chạy theo lợi nhuận, các doanh nghiệp thường không đầu tư kinh doanh vào các lĩnh vực, các ngành ít lợi nhuận, không lợi nhuận, thậm chí dễ thua lỗ,... song xã hội lại rất cần, đặc biệt là các sản phẩm và dịch vụ công cộng.

- Cơ chế thị trường không có khả năng tự điều tiết sự phát triển ở các vùng kém lợi thế so sánh, vùng khó khăn so với những vùng thuận lợi; đồng thời có xu hướng làm sâu sắc thêm sự phân hoá thu nhập

- Cơ chế thị trường là môi trường dễ nảy sinh tình trạng kinh doanh lừa đảo, làm hàng giả, lối sống chạy theo đồng tiền, các tệ nạn xã hội, huỷ hoại môi trường sinh thái.

Câu hỏi liệu các nước đang phát triển như Việt Nam có thể dựa vào cơ chế thị trường tới mức nào để thúc đẩy phát triển, chỉ có thể tìm thấy câu trả lời cụ thể tùy thuộc vào hoàn cảnh riêng của từng nước. Tuy nhiên có điều có thể đã nhận biết được là đối với các nước chậm phát triển, trong giai đoạn đầu của quá trình đi lên không thể dựa vào cơ chế thị trường nhiều như các nước công nghiệp. Có nhiều lý do để đưa ra kết luận như vậy.

Có lẽ lý do quan trọng nhất là ở hầu hết các nước đang phát triển, thị trường đều có những nhược điểm phổ biến, mà nhược điểm có thể thấy

1) Xem Phan Văn Khải: “Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đề cương bài giảng, Hà Nội, 1997.